

1168 Series — BÁNH XE CHÂN TẦNG CHÍNH

Lớp kim cương (màu đen) Đường kính lớp × Chiều rộng lớp 75×45 mm

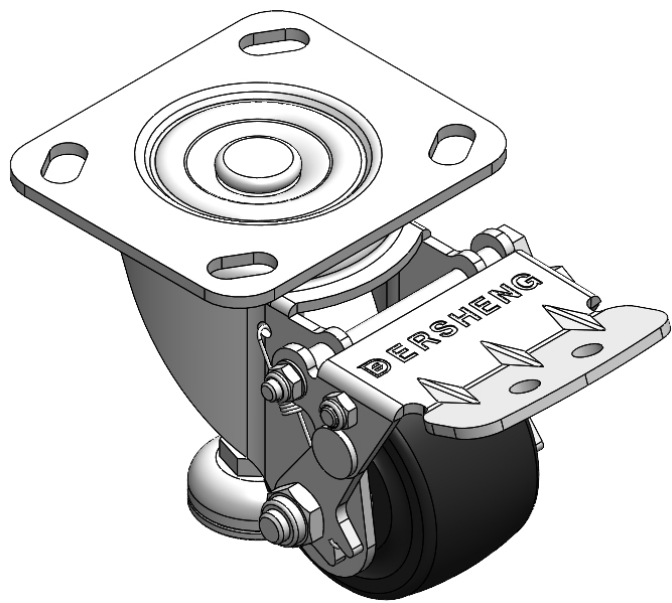
EAN

YJ-11680300712043

Bánh xe nâng có thể điều chỉnh được với đế đỉnh tán, dập và lỗ chữ D, bàn đạp ngấn.  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp đế, đế đỡ có thể điều chỉnh được.  
Lõi bánh xe và gai bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo.  
Vòng bi bánh xe màu đen với vòng bi chính xác.

Bề mặt bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (POK)  
Lõi bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (POK)

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

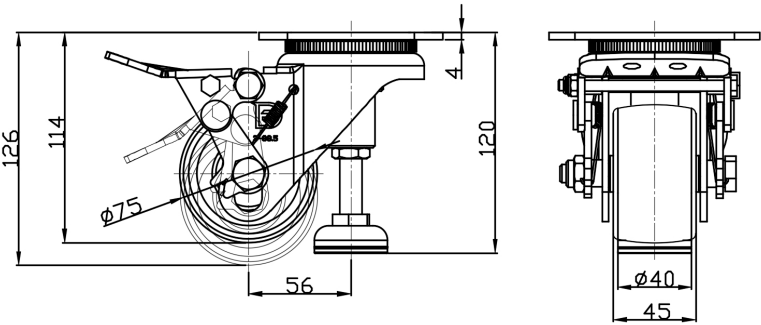
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 75mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 45mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 115 x 100mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 85 x 70mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 20 x 11mm                   |
| Độ lệch tâm                                                               | 56mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 270mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 120mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 130mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 75±5° Shore D               |
| Tải trọng (động)                                                          | 260kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 1000kgs                     |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +80°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 2.06kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

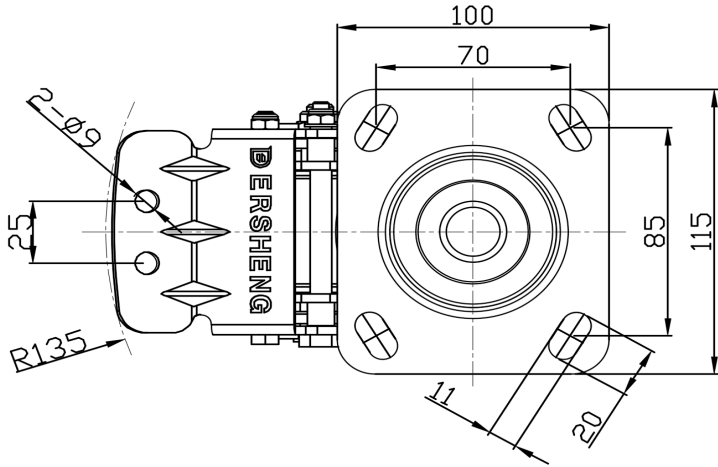
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng       | ● ● ○ ○ ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ○ ○ ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét